BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 17/2010/TT-BLĐTBXH	*Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2010*

THÔNG TƯ
Ban hành Bảng danh mục nghề đào tạo trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề

Căn cứ Luật Dạy nghề ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 38/2009/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bảng danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Bảng danh mục nghề đào tạo cấp IV thuộc danh mục giáo dục, đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Thông tư này ban hành Danh mục nghề đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân làm cơ sở để các trường tổ chức đào tạo trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề trên phạm vi toàn quốc;

Bảng danh mục nghề đào tạo gồm danh mục nghề đào tạo trình độ trung cấp nghề và danh mục nghề đào tạo trình độ cao đẳng nghề.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày, kể từ ngày ký;

Thông tư này thay thế Quyết định số 37/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 16/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành tạm thời danh mục nghề đào tạo trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề, những nghề đã tuyển sinh đào tạo trước khi Thông tư này có hiệu lực sẽ được triển khai đến hết khóa học.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tổ chức Chính trị - Xã hội và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục Dạy nghề, các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp chuyên nghiệp có đăng ký hoạt động dạy nghề trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đàm Hữu Đắc

DANH MỤC NGHỀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2010/TT-BLĐTBXH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV		Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	
40				**Trình độ trung cấp nghề**	**50**				**Trình độ cao đẳng nghề**
	4014			**Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên**		**5014**			**Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên**
		401402		**Đào tạo giáo viên**			**501402**		**Đào tạo giáo viên**
			40140201	Sư phạm dạy nghề				50140201	Sư phạm dạy nghề
				Khác					Khác
	4021			**Nghệ thuật**		**5021**			**Nghệ thuật**
		402101		***Mỹ thuật***			**502101**		***Mỹ thuật***
			40210101	Kỹ thuật điêu khắc gỗ				50210101	Kỹ thuật điêu khắc gỗ
				Khác					Khác
		402102		***Nghệ thuật trình diễn***			**502102**		***Nghệ thuật trình diễn***
			40210201	Sản xuất phim				50210201	Sản xuất phim
			40210202	Sản xuất phim hoạt hình				50210202	Sản xuất phim hoạt hình
			40210203	Quay phim				50210203	Quay phim

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**		**Cấp I**	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**	
			40210204	Phục vụ điện ảnh, sân khấu				50210204	Phục vụ điện ảnh, sân khấu
			40210205	Sản xuất nhạc cụ				50210205	Sản xuất nhạc cụ
				Khác					Khác
		402103		***Nghệ thuật nghe nhìn***			**502103**		***Nghệ thuật nghe nhìn***
			40210301	Dựng ảnh					
			40210302	Chụp ảnh					
			40210303	Ghi dựng đĩa, băng từ				50210303	Ghi dựng đĩa, băng từ
			40210304	Khai thác thiết bị phát thanh				50210304	Khai thác thiết bị phát thanh
			40210305	Khai thác thiết bị truyền hình				50210305	Khai thác thiết bị truyền hình
			40210306	Tu sửa tư liệu nghe nhìn				50210306	Tu sửa tư liệu nghe nhìn
			40210307	Kỹ thuật sản xuất chương trình truyền hình				50210307	**Kỹ thuật sản xuất chương trình truyền hình**
				Khác					Khác
		402104		***Mỹ thuật ứng dụng***			**502104**		***Mỹ thuật ứng dụng***
			40210401	Đúc, dát đồng mỹ nghệ				50210401	Đúc, dát đồng mỹ nghệ
			40210402	Chạm khắc đá				50210402	Chạm khắc đá
			40210403	Gia công đá quý				50210403	Gia công đá quý
			40210404	Kim hoàn				50210404	Kim hoàn
			40210405	Kỹ thuật sơn mài và khảm trai				50210405	Kỹ thuật sơn mài và khảm trai

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**		**Cấp I**	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**	
			40210406	Đồ gốm mỹ thuật				50210406	Đồ gốm mỹ thuật
			40210407	Thêu ren mỹ thuật					
			40210408	Sản xuất hàng mây tre đan					
			40210409	Sản xuất tranh					
			40210410	Trang trí nội thất				50210410	Trang trí nội thất
			40210411	Thiết kế trang trí sản phẩm, bao bì				50210411	Thiết kế trang trí sản phẩm, bao bì
			40210412	Thiết kế tạo dáng, tạo mẫu sản phẩm vật liệu xây dựng				50210412	Thiết kế tạo dáng, tạo mẫu sản phẩm vật liệu xây dựng
			40210413	Gia công và thiết kế sản phẩm mộc				50210413	Gia công và thiết kế sản phẩm mộc
				Khác					Khác
	4022			**Nhân văn**		**5022**			**Nhân văn**
		402202		***Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài***			**502202**		***Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài***
			40220201	Phiên dịch tiếng Anh hàng không				50220201	Phiên dịch tiếng Anh hàng không
			40220202	Phiên dịch tiếng Anh thương mại				50220202	Phiên dịch tiếng Anh thương mại

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV		Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	
			40220203	Phiên dịch tiếng Anh du lịch				50220203	Phiên dịch tiếng Anh du lịch
				Khác					Khác
	4031			**Khoa học xã hội và hành vi**		**5031**			**Khoa học xã hội và hành vi**
		403103		***Xã hội học và nhân học***			**503103**		***Xã hội học và nhân học***
			40310301	Giáo dục đồng đẳng				50310301	Giáo dục đồng đẳng
				Khác					Khác
	4032			**Báo chí và thông tin**		**5032**			**Báo chí và thông tin**
		403201		***Báo chí và truyền thông***			**503201**		***Báo chí và truyền thông***
			40320101	Phóng viên, biên tập đài cơ sở				50320101	Phóng viên, biên tập đài cơ sở
				Khác					Khác
		403202		***Thông tin - Thư viện***			**503202**		***Thông tin - Thư viện***
			40320201	Thư viện				50320201	Thư viện
				Khác					Khác
		403203		***Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng***			**503203**		***Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng***
			40320301	Lưu trữ				50320301	Lưu trữ
			40320302	Thư ký				50320302	Thư ký
			40320303	Văn thư hành chính				50320303	Văn thư hành chính
			40320304	Bảo tàng				50320304	Bảo tàng

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**		**Cấp I**	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**	
				Khác					Khác
		403204		***Xuất bản - Phát hành***			**503204**		***Xuất bản - Phát hành***
			40320401	Phát hành xuất bản phẩm				50320401	Phát hành xuất bản phẩm
				Khác					Khác
	4034			**Kinh doanh và quản lý**		**5034**			**Kinh doanh và quản lý**
		403401		***Kinh doanh***			**503401**		***Kinh doanh***
			40340101	Quản trị kinh doanh vận tải biển				50340101	Quản trị kinh doanh vận tải biển
			40340102	Quản trị kinh doanh vận tải đường thủy nội địa				50340102	Quản trị kinh doanh vận tải đường thủy nội địa
			40340103	Quản trị kinh doanh vận tải đường bộ				50340103	Quản trị kinh doanh vận tải đường bộ
			40340104	Quản trị kinh doanh vận tải đường sắt				50340104	Quản trị kinh doanh vận tải đường sắt
			40340105	Quản trị kinh doanh vận tải hàng không				50340105	Quản trị kinh doanh vận tải hàng không
			40340106	Quản lý kinh doanh điện				50340106	Quản lý kinh doanh điện
			40340107	Quản trị kinh doanh lương thực - thực phẩm				50340107	Quản trị kinh doanh lương thực - thực phẩm

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV		Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	
			40340108	Quản trị kinh doanh vật tư nông nghiệp				50340108	Quản trị kinh doanh vật tư nông nghiệp
			40340109	Quản trị kinh doanh vật tư công nghiệp				50340109	Quản trị kinh doanh vật tư công nghiệp
			40340110	Quản trị kinh doanh vật tư xây dựng				50340110	Quản trị kinh doanh vật tư xây dựng
			40340111	Quản trị kinh doanh thiết bị vật tư văn phòng				50340111	Quản trị kinh doanh thiết bị vật tư văn phòng
			40340112	Quản trị kinh doanh xăng dầu và gas				50340112	Quản trị kinh doanh xăng dầu và gas
			40340113	Quản trị kinh doanh bất động sản				50340113	Quản trị kinh doanh bất động sản
			40340114	Dịch vụ thương mại hàng không				50340114	Dịch vụ thương mại hàng không
			40340115	Kinh doanh xuất bản phẩm văn hóa				50340115	Kinh doanh xuất bản phẩm văn hóa
			40340116	Marketing du lịch				50340116	Marketing du lịch
			40340117	Marketing thương mại				50340117	Marketing thương mại
			40340118	Bán hàng trong siêu thị					
			40340119	Nông vụ mía đường					

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**		**Cấp I**	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**	
			40340120	Quan hệ công chúng				50340120	Quan hệ công chúng
				Khác					Khác
		403402		***Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm***			**503402**		***Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm***
			40340201	Tài chính doanh nghiệp				50340201	Tài chính doanh nghiệp
			40340202	Bảo hiểm xã hội				50340202	Bảo hiểm xã hội
			40340203	Tài chính tín dụng				50340203	Tài chính tín dụng
				Khác					Khác
		403403		***Kế toán - Kiểm toán***			**503403**		***Kế toán - Kiểm toán***
			40340301	Kế toán doanh nghiệp				50340301	Kế toán doanh nghiệp
			40340302	Kế toán lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội				50340302	Kế toán lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội
			40340303	Kế toán vật tư				50340303	Kế toán vật tư
			40340304	Kế toán ngân hàng				50340304	Kế toán ngân hàng
				Khác					Khác
		403404		***Quản trị - Quản lý***			**503404**		***Quản trị - Quản lý***
			40340401	Quản trị nhân sự				50340401	Quản trị nhân sự
			40340402	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ				50340402	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV		Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	
			40340403	Quản lý nhà đất				50340403	Quản lý nhà đất
			40340404	Quản lý giao thông đô thị				50340404	Quản lý giao thông đô thị
			40340405	Quản lý khai thác công trình thủy lợi				50340405	Quản lý khai thác công trình thủy lợi
			40340406	Quản lý khu đô thị				50340406	Quản lý khu đô thị
			40340407	Quản lý cây xanh đô thị				50340407	Quản lý cây xanh đô thị
			40340408	Quản lý công trình đường thủy				50340408	Quản lý công trình đường thủy
			40340409	Quản lý công trình biển				50340409	Quản lý công trình biển
				Khác					Khác
	4038			**Pháp luật**		**5038**			**Pháp luật**
		403802		***Dịch vụ pháp lý***			**503802**		***Dịch vụ pháp lý***
			40380201	Công chứng				50380201	Công chứng
			40380202	Kiểm lâm				50380202	Kiểm lâm
			40380203	Thanh tra				50380203	Thanh tra
				Khác					Khác
	4042			**Khoa học sự sống**		**5042**			**Khoa học sự sống**
		404202		***Sinh học ứng dụng***			**504202**		***Sinh học ứng dụng***
			40420201	Công nghệ sinh học				50420201	Công nghệ sinh học

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**		**Cấp I**	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**	
				Khác					Khác
	4044			**Khoa học tự nhiên**		**5044**			**Khoa học tự nhiên**
		404402		***Khoa học trái đất***			**504402**		***Khoa học trái đất***
			40440201	Quan trắc khí tượng hàng không				50440201	Quan trắc khí tượng hàng không
			40440202	Quan trắc khí tượng nông nghiệp				50440202	Quan trắc khí tượng nông nghiệp
			40440203	Quan trắc hải văn				50440203	Quan trắc hải văn
			40440204	Quan trắc khí tượng bề mặt				50440204	Quan trắc khí tượng bề mặt
				Khác					Khác
	4046			**Toán và thống kê**		**5046**			**Toán và thống kê**
		404602		***Thống kê***			**504602**		***Thống kê***
			40460201	Thống kê doanh nghiệp				50460201	Thống kê doanh nghiệp
			40460202	Hệ thống thông tin kinh tế				50460202	Hệ thống thông tin kinh tế
				Khác					Khác
	4048			**Máy tính và công nghệ thông tin**		**5048**			**Máy tính và công nghệ thông tin**
		404801		***Máy tính***			**504801**		***Máy tính***
			40480101	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính				50480101	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV		Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	
			40480102	Thiết kế mạch điện tử trên máy tính				50480102	Thiết kế mạch điện tử trên máy tính
				Khác					Khác
		404802		***Công nghệ thông tin***			**504802**		***Công nghệ thông tin***
			40480201	Tin học văn phòng				50480201	Tin học văn phòng
			40480202	Tin học viễn thông ứng dụng				50480202	Tin học viễn thông ứng dụng
			40480203	Xử lý dữ liệu				50480203	Xử lý dữ liệu
			40480204	Lập trình máy tính				50480204	Lập trình máy tính
			40480205	Quản trị cơ sở dữ liệu				50480205	Quản trị cơ sở dữ liệu
			40480206	Quản trị mạng máy tính				50480206	Quản trị mạng máy tính
			40480207	Thương mại điện tử				50480207	Thương mại điện tử
			40480208	Thiết kế đồ họa				50480208	Thiết kế đồ họa
			40480209	Thiết kế trang Web				50480209	Thiết kế trang Web
			40480210	Vẽ và thiết kế trên máy tính				50480210	Vẽ và thiết kế trên máy tính
			40480211	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)				50480211	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)
				Khác					Khác
	4051			**Công nghệ kỹ thuật**		**5051**			**Công nghệ kỹ thuật**
		405101		***Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng***			**505101**		***Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng***

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV		Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	
			40510101	Bê tông					
			40510102	Cốp pha - giàn giáo					
			40510103	Cốt thép - hàn					
			40510104	Cấp, thoát nước				50510104	Cấp, thoát nước
			40510105	Nề - Hoàn thiện					
			40510106	Kỹ thuật xây dựng				50510106	Kỹ thuật xây dựng
			40510107	Kỹ thuật xây dựng mỏ				50510107	Kỹ thuật xây dựng mỏ
			40510108	Xây dựng cầu đường bộ				50510108	Xây dựng cầu đường bộ
			40510109	Lắp đặt cầu				50510109	Lắp đặt cầu
			40510110	Lắp đặt giàn khoan				50510110	Lắp đặt giàn khoan
			40510111	Xây dựng và bảo dưỡng công trình giao thông đường sắt				50510111	Xây dựng và bảo dưỡng công trình giao thông đường sắt
			40510112	Xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi				50510112	Xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi
			40510113	Xây dựng công trình thủy				50510113	Xây dựng công trình thủy
			40510114	Sửa chữa, bảo trì cảng hàng không				50510114	Sửa chữa, bảo trì cảng hàng không
				Khác					Khác

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV		Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	
		405102		***Công nghệ kỹ thuật cơ khí***			**505102**		***Công nghệ kỹ thuật cơ khí***
			40510201	Cắt gọt kim loại				50510201	Cắt gọt kim loại
			40510202	Gò				50510202	Gò
			40510203	Hàn				50510203	Hàn
			40510204	Rèn, dập				50510204	Rèn, dập
			40510205	Nguội chế tạo				50510205	Nguội chế tạo
			40510206	Nguội sửa chữa máy công cụ				50510206	Nguội sửa chữa máy công cụ
			40510207	Nguội lắp ráp cơ khí				50510207	Nguội lắp ráp cơ khí
			40510208	Chế tạo thiết bị cơ khí				50510208	Chế tạo thiết bị cơ khí
			40510209	Lắp đặt thiết bị cơ khí				50510209	Lắp đặt thiết bị cơ khí
			40510210	Lắp ráp ôtô				50510210	Lắp ráp ôtô
			40510211	Kỹ thuật máy nông nghiệp				50510211	Kỹ thuật máy nông nghiệp
			40510212	Kỹ thuật lắp đặt ống công nghệ				50510212	Kỹ thuật lắp đặt ống công nghệ
			40510213	Gia công ống công nghệ				50510213	Gia công ống công nghệ
			40510214	Gia công và lắp dựng kết cấu thép				50510214	Gia công và lắp dựng kết cấu thép
			40510215	Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy				50510215	Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV		Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	
			40510216	Gia công khuôn dưỡng và phóng dạng tàu thủy				50510216	Gia công khuôn dưỡng và phóng dạng tàu thủy
			40510217	Gia công lắp ráp hệ thống ống tàu thủy				50510217	Gia công lắp ráp hệ thống ống tàu thủy
			40510218	Gia công và lắp ráp nội thất tàu thủy				50510218	Gia công và lắp ráp nội thất tàu thủy
			40510219	Lắp ráp hệ thống động lực tàu thủy				50510219	Lắp ráp hệ thống động lực tàu thủy
			40510220	Công nghệ chế tạo, bảo dưỡng toa xe				50510220	Công nghệ chế tạo, bảo dưỡng toa xe
			40510221	Công nghệ chế tạo, bảo dưỡng đầu máy				50510221	Công nghệ chế tạo, bảo dưỡng đầu máy
			40510222	Công nghệ ôtô				50510222	Công nghệ ôtô
			40510223	Sửa chữa, lắp ráp xe máy					
			40510224	Sửa chữa, vận hành tàu cuốc					
			40510225	Sửa chữa máy tàu thủy				50510225	Sửa chữa máy tàu thủy
			40510226	Sửa chữa thiết bị dệt				50510226	Sửa chữa thiết bị dệt
			40510227	Sửa chữa thiết bị may				50510227	Sửa chữa thiết bị may
			40510228	Sửa chữa thiết bị chế biến gỗ				50510228	Sửa chữa thiết bị chế biến gỗ

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV		Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	
			40510229	Sửa chữa thiết bị chế biến đường				50510229	Sửa chữa thiết bị chế biến đường
			40510230	Sửa chữa thiết bị chế biến lương thực, thực phẩm				50510230	Sửa chữa thiết bị chế biến lương thực, thực phẩm
			40510231	Sửa chữa cơ khí ngành giấy				50510231	Sửa chữa cơ khí ngành giấy
			40510232	Sửa chữa thiết bị in				50510232	Sửa chữa thiết bị in
			40510233	Sửa chữa thiết bị mỏ hầm lò				50510233	Sửa chữa thiết bị mỏ hầm lò
			40510234	Sửa chữa cơ máy mỏ				50510234	Sửa chữa cơ máy mỏ
			40510235	Sửa chữa thiết bị hóa chất				50510235	Sửa chữa thiết bị hóa chất
			40510236	Sửa chữa thiết bị luyện kim				50510236	Sửa chữa thiết bị luyện kim
			40510237	Sửa chữa thiết bị khoan dầu khí				50510237	Sửa chữa thiết bị khoan dầu khí
			40510238	Sửa chữa thiết bị chế biến dầu khí				50510238	Sửa chữa thiết bị chế biến dầu khí
			40510239	Sửa chữa máy nâng chuyển				50510239	Sửa chữa máy nâng chuyển
			40510240	Sửa chữa máy thi công xây dựng				50510240	Sửa chữa máy thi công xây dựng
			40510241	Sửa chữa, lắp đặt thiết bị cơ khí xi măng				50510241	Sửa chữa, lắp đặt thiết bị cơ khí xi măng

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**		**Cấp I**	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**	
			40510242	Bảo trì thiết bị cơ điện				50510242	Bảo trì thiết bị cơ điện
			40510243	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí				50510243	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí
			40510244	Bảo trì hệ thống thiết bị cảng hàng không				50510244	Bảo trì hệ thống thiết bị cảng hàng không
			40510245	Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp				50510245	Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp
			40510246	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay					
			40510247	Vận hành cần, cầu trục					
			40510248	Vận hành máy thi công nền					
			40510249	Vận hành máy thi công mặt đường					
			40510250	Vận hành máy xây dựng					
			40510251	Vận hành máy đóng cọc và khoan cọc nhồi					
			40510252	Vận hành máy nông nghiệp					
			40510253	Vận hành, sửa chữa máy thi công đường sắt				50510253	Vận hành, sửa chữa máy thi công đường sắt

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**		**Cấp I**	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**	
			40510254	Vận hành máy và thiết bị hóa chất				50510254	Vận hành máy và thiết bị hóa chất
			40510255	Điều khiển tàu cuốc				50510255	Điều khiển tàu cuốc
			40510256	Xếp dỡ cơ giới tổng hợp				50510256	Xếp dỡ cơ giới tổng hợp
			40510257	Lắp đặt thiết bị lạnh				50510257	Lắp đặt thiết bị lạnh
				Khác					Khác
		405103		***Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông***			**505103**		***Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông***
			40510301	Điện dân dụng				50510301	Điện dân dụng
			40510302	Điện công nghiệp				50510302	Điện công nghiệp
			40510303	Điện tàu thủy				50510303	Điện tàu thủy
			40510304	Điện đầu máy đường sắt				50510304	Điện đầu máy đường sắt
			40510305	Điện toa xe đường sắt					
			40510306	Sửa chữa điện máy mỏ				50510306	Sửa chữa điện máy mỏ
			40510307	Sửa chữa điện máy công trình				50510307	Sửa chữa điện máy công trình
			40510308	Sửa chữa, lắp đặt thiết bị điện xi măng				50510308	Sửa chữa, lắp đặt thiết bị điện xi măng
			40510309	Sửa chữa đường dây tải điện đang vận hành				50510309	Sửa chữa đường dây tải điện đang vận hành

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV		Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	
			40510310	Sửa chữa thiết bị tự động hóa				50510310	Sửa chữa thiết bị tự động hóa
			40510311	Lắp đặt điện công trình				50510311	Lắp đặt điện công trình
			40510312	Lắp đặt thiết bị điện				50510312	Lắp đặt thiết bị điện
			40510313	Lắp đặt, sửa chữa hệ thống truyền dẫn điện đường sắt				50510313	Lắp đặt, sửa chữa hệ thống truyền dẫn điện đường sắt
			40510314	Lắp đặt đường dây tải điện và trạm biến áp có điện áp từ 220 KV trở lên				50510314	Lắp đặt đường dây tải điện và trạm biến áp có điện áp từ 220 KV trở lên
			40510315	Lắp đặt đường dây tải điện và trạm biến áp có điện áp từ 110 KV trở xuống				50510315	Lắp đặt đường dây tải điện và trạm biến áp có điện áp từ 110 KV trở xuống
			40510316	Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp				50510316	Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp
			40510317	Kỹ thuật điện cảng hàng không				50510317	Kỹ thuật điện cảng hàng không
								50510318	Kỹ thuật điện tàu bay
			40510319	Kỹ thuật lò hơi				50510319	Kỹ thuật lò hơi
			40510320	Kỹ thuật tua bin				50510320	Kỹ thuật tua bin
			40510321	Kỹ thuật tua bin nước					
			40510322	Kỹ thuật tua bin khí					

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV		Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	
			40510323	Lắp đặt, vận hành và sửa chữa bơm, quạt, máy nén khí				50510323	Lắp đặt, vận hành và sửa chữa bơm, quạt, máy nén khí
			40510324	Lắp ráp và thử nghiệm lò hơi, tua bin				50510324	Lắp ráp và thử nghiệm lò hơi, tua bin
			40510325	Vận hành điện trong nhà máy điện				50510325	Vận hành điện trong nhà máy điện
			40510326	Vận hành nhà máy thủy điện				50510326	Vận hành nhà máy thủy điện
			40510327	Vận hành nhà máy nhiệt điện				50510327	Vận hành nhà máy nhiệt điện
			40510328	Vận hành và sửa chữa trạm thủy điện				50510328	Vận hành và sửa chữa trạm thủy điện
			40510329	Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện				50510329	Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện
			40510330	Quản lý vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 220 KV trở lên				50510330	Quản lý vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 220 KV trở lên
			40510331	Quản lý vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 110KV trở xuống				50510331	Quản lý vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 110 KV trở xuống
			40510332	Vận hành tổ máy phát điện Diesel				50510332	Vận hành tổ máy phát điện Diesel

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV		Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	
			40510333	Đo lường điện				50510333	Đo lường điện
			40510334	Thí nghiệm điện				50510334	Thí nghiệm điện
			40510335	Sửa chữa đồng hồ đo thời gian					
			40510336	Sửa chữa đồng hồ đo điện, nhiệt, áp lực				50510336	Sửa chữa đồng hồ đo điện, nhiệt, áp lực
			40510337	Sửa chữa thiết bị đo lường trọng lượng				50510337	Sửa chữa thiết bị đo lường trọng lượng
			40510338	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh				50510338	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh
			40510339	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí				50510339	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí
			40510340	Cơ điện lạnh thủy sản					
			40510341	Kỹ thuật cơ điện mỏ hầm lò				50510341	Kỹ thuật cơ điện mỏ hầm lò
			40510342	Cơ điện nông thôn				50510342	Cơ điện nông thôn
			40510343	Cơ điện tử				50510343	Cơ điện tử
			40510344	Điện tử dân dụng				50510344	Điện tử dân dụng
			40510345	Điện tử công nghiệp				50510345	Điện tử công nghiệp
			40510346	Kỹ thuật điện tử cảng hàng không				50510346	Kỹ thuật điện tử cảng hàng không

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV		Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	
			40510347	Kỹ thuật điện tử tàu bay				50510347	Kỹ thuật điện tử tàu bay
			40510348	Kỹ thuật điện tử tàu thủy				50510348	Kỹ thuật điện tử tàu thủy
			40510349	Kỹ thuật thiết bị thông tin hàng không				50510349	Kỹ thuật thiết bị thông tin hàng không
			40510350	Kỹ thuật dẫn đường hàng không				50510350	Kỹ thuật dẫn đường hàng không
			40510351	Kỹ thuật thiết bị viễn thông và nghi khí hàng hải				50510351	Kỹ thuật thiết bị viễn thông và nghi khí hàng hải
			40510352	Vận hành thiết bị điện và đo lường điều khiển trên tàu thủy				50510352	Vận hành thiết bị điện và đo lường điều khiển trên tàu thủy
			40510353	Kỹ thuật thiết bị radar					
			40510354	Kỹ thuật nguồn điện thông tin					
			40510355	Kỹ thuật mạng ngoại vi và thiết bị đầu cuối				50510355	Kỹ thuật mạng ngoại vi và thiết bị đầu cuối
			40510356	Kỹ thuật lắp đặt đài trạm viễn thông				50510356	Kỹ thuật lắp đặt đài trạm viễn thông
			40510357	Kỹ thuật truyền hình cáp				50510357	Kỹ thuật truyền hình cáp
			40510358	Kỹ thuật truyền dẫn quang và vô tuyến				50510358	Kỹ thuật truyền dẫn quang và vô tuyến
			40510359	Kỹ thuật thiết bị hình ảnh y tế				50510359	Kỹ thuật thiết bị hình ảnh y tế

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**		**Cấp I**	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**	
			40510360	Kỹ thuật thiết bị điện tử y tế				50510360	Kỹ thuật thiết bị điện tử y tế
			40510361	Kỹ thuật thiết bị xét nghiệm y tế				50510361	Kỹ thuật thiết bị xét nghiệm y tế
			40510362	Kỹ thuật thiết bị cơ điện y tế				50510362	Kỹ thuật thiết bị cơ điện y tế
			40510363	Kỹ thuật thiết bị sản xuất Dược				50510363	Kỹ thuật thiết bị sản xuất Dược
			40510364	Khai thác thiết bị dẫn đường vô tuyến mặt đất hàng không				50510364	Khai thác thiết bị dẫn đường vô tuyến mặt đất hàng không
				Khác					Khác
		405104		***Công nghệ hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường***			**505104**		***Công nghệ hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường***
			40510401	Luyện gang				50510401	Luyện gang
			40510402	Luyện thép				50510402	Luyện thép
			40510403	Luyện kim màu				50510403	Luyện kim màu
			40510404	Luyện Ferro hợp kim				50510404	Luyện Ferro hợp kim
			40510405	Công nghệ sản xuất alumin				50510405	Công nghệ sản xuất alumin
			40510406	Công nghệ nhiệt luyện				50510406	Công nghệ nhiệt luyện
			40510407	Công nghệ đúc kim loại				50510407	Công nghệ đúc kim loại
			40510408	Công nghệ cán, kéo kim loại				50510408	Công nghệ cán, kéo kim loại

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**		**Cấp I**	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**	
			40510409	Công nghệ hóa nhuộm				50510409	Công nghệ hóa nhuộm
			40510410	Công nghệ mạ				50510410	Công nghệ mạ
			40510411	Công nghệ sơn tĩnh điện				50510411	Công nghệ sơn tĩnh điện
			40510412	Công nghệ sơn điện di					
			40510413	Công nghệ sơn ôtô					
			40510414	Công nghệ sơn tàu thủy				50510414	Công nghệ sơn tàu thủy
			40510415	Công nghệ chống ăn mòn kim loại				50510415	Công nghệ chống ăn mòn kim loại
			40510416	Xử lý chất thải trong công nghiệp đóng tàu				50510416	Xử lý chất thải trong công nghiệp đóng tàu
			40510417	Xử lý chất thải trong sản xuất thép				50510417	Xử lý chất thải trong sản xuất thép
			40510418	Xử lý nước thải công nghiệp				50510418	Xử lý nước thải công nghiệp
				Khác					Khác
		405105		***Công nghệ sản xuất***			**505105**		***Công nghệ sản xuất***
			40510501	Sản xuất vật liệu hàn				50510501	Sản xuất vật liệu hàn
			40510502	Sản xuất vật liệu nổ công nghiệp				50510502	Sản xuất vật liệu nổ công nghiệp
			40510503	Sản xuất các chất vô cơ				50510503	Sản xuất các chất vô cơ

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV		Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	
			40510504	Sản xuất sản phẩm giặt tẩy				50510504	Sản xuất sản phẩm giặt tẩy
			40510505	Sản xuất phân bón				50510505	Sản xuất phân bón
			40510506	Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật				50510506	Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật
			40510507	Sản xuất sơn				50510507	Sản xuất sơn
			40510508	Sản xuất xi măng				50510508	Sản xuất xi măng
			40510509	Sản xuất bao bì xi măng					
			40510510	Sản xuất gạch Ceramic					
			40510511	Sản xuất gạch Granit					
			40510512	Sản xuất đá bằng cơ giới					
			40510513	Sản xuất vật liệu chịu lửa					
			40510514	Sản xuất vật liệu phụ trợ dùng trong đóng tàu					
			40510515	Sản xuất bê tông nhựa nóng					
			40510516	Sản xuất gốm, sứ xây dựng				50510516	Sản xuất gốm, sứ xây dựng
			40510517	Sản xuất sản phẩm gốm, sứ dân dụng				50510517	Sản xuất sản phẩm gốm, sứ dân dụng
			40510518	Sản xuất sản phẩm kính, thủy tinh				50510518	Sản xuất sản phẩm kính, thủy tinh

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**		**Cấp I**	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**	
			40510519	Sản xuất pin, ắc quy				50510519	Sản xuất pin, ắc quy
			40510520	Sản xuất khí cụ điện				50510520	Sản xuất khí cụ điện
			40510521	Sản xuất sản phẩm cách điện				50510521	Sản xuất sản phẩm cách điện
			40510522	Sản xuất dụng cụ đo điện				50510522	Sản xuất dụng cụ đo điện
			40510523	Sản xuất động cơ điện				50510523	Sản xuất động cơ điện
			40510524	Sản xuất cáp điện và thiết bị đầu nối				50510524	Sản xuất cáp điện và thiết bị đầu nối
			40510525	Sản xuất dụng cụ chỉnh hình				50510525	Sản xuất dụng cụ chỉnh hình
			40510526	Sản xuất dụng cụ phục hồi chức năng				50510526	Sản xuất dụng cụ phục hồi chức năng
			40510527	Sản xuất dụng cụ thể thao				50510527	Sản xuất dụng cụ thể thao
			40510528	Công nghệ sản xuất bột giấy và giấy				50510528	Công nghệ sản xuất bột giấy và giấy
			40510529	Chế biến mủ cao su				50510529	Chế biến mủ cao su
				Khác					Khác
		405106		***Quản lý công nghiệp***			**505106**		***Quản lý công nghiệp***
			40510601	Kiểm nghiệm chất lượng lương thực, thực phẩm				50510601	Kiểm nghiệm chất lượng lương thực, thực phẩm
			40510602	Kiểm nghiệm đường mía				50510602	Kiểm nghiệm đường mía

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**		**Cấp I**	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**	
			40510603	Kiểm nghiệm bột giấy và giấy				50510603	Kiểm nghiệm bột giấy và giấy
			40510604	Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ				50510604	Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ
			40510605	Phân tích cơ lý hóa xi măng				50510605	Phân tích cơ lý hóa xi măng
			40510606	Phân tích các sản phẩm alumin và bauxit				50510606	Phân tích các sản phẩm alumin và bauxit
			40510607	Kiểm tra và phân tích hóa chất				50510607	Kiểm tra và phân tích hóa chất
			40510608	Giám định khối lượng, chất lượng than				50510608	Giám định khối lượng, chất lượng than
			40510609	Đo lường dao động và cân bằng động				50510609	Đo lường dao động và cân bằng động
			40510610	Kiểm tra phân tích kết cấu thép và kim loại				50510610	Kiểm tra phân tích kết cấu thép và kim loại
			40510611	Đo lường và phân tích các thành phần kim loại				50510611	Đo lường và phân tích các thành phần kim loại
				Khác					Khác
		405107		***Công nghệ dầu khí và khai thác***			**505107**		***Công nghệ dầu khí và khai thác***
			40510701	Vận hành thiết bị hóa dầu				50510701	Vận hành thiết bị hóa dầu

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV		Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	
			40510702	Vận hành trạm phân phối các sản phẩm dầu khí				50510702	Vận hành trạm phân phối các sản phẩm dầu khí
			40510703	Vận hành trạm sản xuất khí, khí hóa lỏng				50510703	Vận hành trạm sản xuất khí, khí hóa lỏng
			40510704	Vận hành thiết bị chế biến dầu khí				50510704	Vận hành thiết bị chế biến dầu khí
			40510705	Vận hành thiết bị khai thác dầu khí				50510705	Vận hành thiết bị khai thác dầu khí
			40510706	Khoan khai thác dầu khí				50510706	Khoan khai thác dầu khí
			40510707	Sản xuất các sản phẩm lọc dầu				50510707	Sản xuất các sản phẩm lọc dầu
			40510708	Phân tích các sản phẩm lọc dầu				50510708	Phân tích các sản phẩm lọc dầu
			40510709	Thí nghiệm các sản phẩm hóa dầu				50510709	Thí nghiệm các sản phẩm hóa dầu
			40510710	Vận hành thiết bị lọc dầu					
			40510711	Vận hành thiết bị sản xuất phân đạm từ khí dầu mỏ				50510711	Vận hành thiết bị sản xuất phân đạm từ khí dầu mỏ
			40510712	Vận hành trạm và đường ống dẫn dầu khí				50510712	Vận hành trạm và đường ống dẫn dầu khí

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**		**Cấp I**	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**	
			40510713	Chọn mẫu và hóa nghiệm dầu khí				50510713	Chọn mẫu và hóa nghiệm dầu khí
			40510714	Sửa chữa thiết bị khai thác dầu khí				50510714	Sửa chữa thiết bị khai thác dầu khí
			40510715	Khoan thăm dò dầu khí				50510715	Khoan thăm dò dầu khí
				Khác					Khác
		405108		***Công nghệ kỹ thuật in***			**505108**		***Công nghệ kỹ thuật in***
			40510801	Công nghệ chế tạo khuôn in				50510801	Công nghệ chế tạo khuôn in
			40510802	Công nghệ in				50510802	Công nghệ in
			40510803	Công nghệ hoàn thiện xuất bản phẩm					
			40510804	Công nghệ chế bản điện tử					
				Khác					Khác
		405109		***Công nghệ kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa***			**505109**		***Công nghệ kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa***
			40510901	Đo đạc bản đồ				50510901	Đo đạc bản đồ
			40510902	Trắc địa công trình				50510902	Trắc địa công trình
			40510903	Khảo sát địa hình				50510903	Khảo sát địa hình
			40510904	Khảo sát địa chất				50510904	Khảo sát địa chất

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV		Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	
			40510905	Khảo sát thủy văn				50510905	Khảo sát thủy văn
			40510906	Khoan thăm dò địa chất				50510906	Khoan thăm dò địa chất
			40510907	Đo đạc địa chính				50510907	Đo đạc địa chính
			40510908	Quan trắc khí tượng				50510908	Quan trắc khí tượng
				Khác					Khác
		405110		***Công nghệ kỹ thuật mỏ***			**505110**		***Công nghệ kỹ thuật mỏ***
			40511001	Kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò				50511001	Kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò
			40511002	Kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên					
			40511003	Vận hành thiết bị sàng tuyển than				50511003	Vận hành thiết bị sàng tuyển than
			40511004	Vận hành thiết bị sàng tuyển quặng kim loại				50511004	Vận hành thiết bị sàng tuyển quặng kim loại
			40511005	Khoan nổ mìn				50511005	Khoan nổ mìn
			40511006	Khoan đào đường hầm				50511006	Khoan đào đường hầm
			40511007	Khoan khai thác mỏ				50511007	Khoan khai thác mỏ
			40511008	Vận hành máy nén khí, máy bơm, quạt gió mỏ hầm lò					
			40511009	Vận hành trạm khí hóa than				50511009	Vận hành trạm khí hóa than
				Khác					

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV		Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	
	4054			**Sản xuất và chế biến**		**5054**			**Sản xuất và chế biến**
		405401		***Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống***			**505401**		***Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống***
			40540101	Chế biến lương thực					
			40540102	Chế biến dầu thực vật				50540102	Chế biến dầu thực vật
			40540103	Chế biến thực phẩm				50540103	Chế biến thực phẩm
			40540104	Chế biến và bảo quản thủy sản				50540104	Chế biến và bảo quản thủy sản
			40540105	Chế biến sữa					
			40540106	Sản xuất bột ngọt, gia vị					
			40540107	Chế biến rau quả				50540107	Chế biến rau quả
			40540108	Sản xuất bánh, kẹo				50540108	Sản xuất bánh, kẹo
			40540109	Sản xuất rượu bia				50540109	Sản xuất rượu bia
			40540110	Sản xuất nước giải khát				50540110	Sản xuất nước giải khát
			40540111	Sản xuất cồn				50540111	Sản xuất cồn
			40540112	Sản xuất đường glucoza					
			40540113	Sản xuất đường mía					
			40540114	Chế biến nước quả cô đặc					
				Khác					Khác

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV		Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	
		405402		***Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da***			**505402**		***Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da***
			40540201	Thuộc da				50540201	Thuộc da
			40540202	Sản xuất hàng da, giày				50540202	Sản xuất hàng da, giày
			40540203	Công nghệ sợi				50540203	Công nghệ sợi
			40540204	Công nghệ dệt				50540204	Công nghệ dệt
			40540205	May thời trang				50540205	May thời trang
			40540206	Thiết kế thời trang				50540206	Thiết kế thời trang
			40540207	Công nghệ giặt - là					
			40540208	Công nghệ may Veston				50540208	Công nghệ may Veston
				Khác					Khác
		405403		***Sản xuất, chế biến khác***			**505403**		***Sản xuất, chế biến khác***
			40540301	Công nghệ chế biến chè				50540301	Công nghệ chế biến chè
			40540302	Chế biến cà phê, ca cao				50540302	Chế biến cà phê, ca cao
			40540303	Chế biến thuốc lá				50540303	Chế biến thuốc lá
			40540304	Chế biến hạt điều					
			40540305	Sản xuất muối từ nước biển					
			40540306	Sản xuất muối công nghiệp					

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**		**Cấp I**	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**	
			40540307	Công nghệ sản xuất sản phẩm từ cao su				50540307	Công nghệ sản xuất sản phẩm từ cao su
			40540308	Công nghệ sản xuất chất dẻo từ Polyme				50540308	Công nghệ sản xuất chất dẻo từ Polyme
			40540309	Công nghệ sản xuất ván nhân tạo				50540309	Công nghệ sản xuất ván nhân tạo
			40540310	Mộc xây dựng và trang trí nội thất				50540310	Mộc xây dựng và trang trí nội thất
			40540311	Mộc dân dụng					
			40540312	Mộc mỹ nghệ					
				Khác					Khác
	4062			**Nông, lâm nghiệp và thủy sản**		**5062**			**Nông, lâm nghiệp và thủy sản**
		406201		***Nông nghiệp***			**506201**		***Nông nghiệp***
			40620101	Trồng cây lương thực, thực phẩm				50620101	Trồng cây lương thực, thực phẩm
			40620102	Trồng rau					
			40620103	Trồng cây công nghiệp				50620103	Trồng cây công nghiệp
			40620104	Trồng cây ăn quả				50620104	Trồng cây ăn quả

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**		**Cấp I**	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**	
			40620105	Bảo vệ thực vật				50620105	Bảo vệ thực vật
			40620106	Chăn nuôi gia súc, gia cầm				50620106	Chăn nuôi gia súc, gia cầm
			40620107	Khuyến nông lâm				50620107	Khuyến nông lâm
			40620108	Kỹ thuật dâu tằm tơ				50620108	Kỹ thuật dâu tằm tơ
			40620109	Chọn và nhân giống cây trồng				50620109	Chọn và nhân giống cây trồng
				Khác					Khác
		406202		***Lâm nghiệp***			**506202**		***Lâm nghiệp***
			40620201	Lâm sinh				50620201	Lâm sinh
			40620202	Làm vườn - cây cảnh				50620202	Làm vườn - cây cảnh
			40620203	Sinh vật cảnh				50620203	Sinh vật cảnh
				Khác					Khác
		406203		***Thủy sản***			**506203**		***Thủy sản***
			40620301	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt				50620301	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt
			40620302	Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ				50620302	Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ
			40620303	Khai thác, đánh bắt hải sản				50620303	Khai thác, đánh bắt hải sản
			40620304	Phòng và chữa bệnh thủy sản				50620304	Phòng và chữa bệnh thủy sản
			40620305	Khuyến ngư					

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**		**Cấp I**	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**	
				Khác					Khác
	4064			**Thú y**		**5064**			**Thú y**
		406402		***Dịch vụ thú y***			**506402**		***Dịch vụ thú y***
			40640201	Thú y				50640201	Thú y
				Khác					Khác
		406403		***Sản xuất thuốc thú y***			**506403**		***Sản xuất thuốc thú y***
			40640301	Sản xuất thuốc thú y				50640301	Sản xuất thuốc thú y
			40640302	Sản xuất thuốc thủy y				50640302	Sản xuất thuốc thủy y
				Khác					Khác
	4072			**Sức khỏe**		**5072**			**Sức khỏe**
		407202		***Y học cổ truyền***			**507202**		***Y học cổ truyền***
			40720201	Điều dưỡng y học cổ truyền				50720201	Điều dưỡng y học cổ truyền
				Khác					Khác
		407203		***Dịch vụ y tế***			**507203**		***Dịch vụ y tế***
			40720301	Kỹ thuật xét nghiệm y tế				50720301	Kỹ thuật xét nghiệm y tế
			40720302	Kỹ thuật vật lý trị liệu, phục hồi chức năng				50720302	Kỹ thuật vật lý trị liệu, phục hồi chức năng
				Khác					Khác

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV		Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	
		407204		***Dược học***			**507204**		***Dược học***
			40720401	Kỹ thuật dược				50720401	Kỹ thuật dược
			40720402	Kỹ thuật kiểm nghiệm thuốc				50720402	Kỹ thuật kiểm nghiệm thuốc
				Khác					Khác
		407205		***Điều dưỡng, hộ sinh***			**507205**		***Điều dưỡng, hộ sinh***
			40720501	Điều dưỡng				50720501	Điều dưỡng
			40720502	Hộ sinh				50720502	Hộ sinh
				Khác					Khác
		407206		***Răng - Hàm - Mặt***			**507206**		***Răng - Hàm - Mặt***
			40720601	Kỹ thuật phục hình răng				50720601	Kỹ thuật phục hình răng
				Khác					Khác
	4076			**Dịch vụ xã hội**		**5076**			**Dịch vụ xã hội**
		407601		***Công tác xã hội***			**507601**		***Công tác xã hội***
			40760101	Công tác xã hội				50760101	Công tác xã hội
				Khác					Khác
		407602		***Dịch vụ xã hội***			**507602**		***Dịch vụ xã hội***
			40760201	Dịch vụ chăm sóc gia đình				50760201	Dịch vụ chăm sóc gia đình
				Khác					Khác

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**		**Cấp I**	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**	
	4081			**Khách sạn, du lịch, thể thao và dịch vụ cá nhân**		**5081**			**Khách sạn, du lịch, thể thao và dịch vụ cá nhân**
		408101		***Dịch vụ du lịch***			**508101**		***Dịch vụ du lịch***
			40810101	Hướng dẫn du lịch				50810101	Hướng dẫn du lịch
			40810102	Quản trị lữ hành				50810102	Quản trị lữ hành
			40810103	Quản trị du lịch MICE				50810103	Quản trị du lịch MICE
			40810104	Quản trị dịch vụ giải trí, thể thao				50810104	Quản trị dịch vụ giải trí, thể thao
			40810105	Điều hành tour du lịch				50810105	Điều hành tour du lịch
			40810106	Đặt giữ chỗ du lịch					
			40810107	Đại lý lữ hành					
				Khác					Khác
		408102		***Khách sạn, nhà hàng***			**508102**		***Khách sạn, nhà hàng***
			40810201	Nghiệp vụ lễ tân				50810201	Quản trị lễ tân
			40810202	Nghiệp vụ lưu trú				50810202	Quản trị buồng phòng
			40810203	Nghiệp vụ nhà hàng				50810203	Quản trị nhà hàng
			40810204	Kỹ thuật chế biến món ăn				50810204	Kỹ thuật chế biến món ăn
			40810205	Kỹ thuật pha chế đồ uống				50810205	Kỹ thuật pha chế đồ uống
			40810206	Kỹ thuật làm bánh				50810206	Kỹ thuật làm bánh

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**		**Cấp I**	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**	
			40810207	Quản trị khách sạn				50810207	Quản trị khách sạn
			40810208	Quản trị khu Resort				50810208	Quản trị khu Resort
				Khác					Khác
		408104		***Dịch vụ thẩm mỹ***			**508104**		***Dịch vụ thẩm mỹ***
			40810401	Kỹ thuật chăm sóc tóc					
			40810402	Chăm sóc sắc đẹp				50810402	Chăm sóc sắc đẹp
			40810403	Kỹ thuật vật lý trị liệu				50810403	Kỹ thuật vật lý trị liệu
				Khác					Khác
	4084			**Dịch vụ vận tải**		**5084**			**Dịch vụ vận tải**
		408401		***Khai thác vận tải***			**508401**		***Khai thác vận tải***
			40840101	Điều khiển phương tiện thủy nội địa				50840101	Điều khiển phương tiện thủy nội địa
			40840102	Điều khiển tàu biển				50840102	Điều khiển tàu biển
			40840103	Khai thác máy tàu thủy				50840103	Khai thác máy tàu thủy
			40840104	Dịch vụ trên tàu biển					
			40840105	Bảo đảm an toàn hàng hải				50840105	Bảo đảm an toàn hàng hải
			40840106	Vận hành thiết bị xếp dỡ hàng hóa hàng hải				50840106	Vận hành thiết bị xếp dỡ hàng hóa hàng hải

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV		Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	
			40840107	Đặt chỗ bán vé					
			40840108	Dịch vụ trên tàu bay					
			40840109	Lái tàu bay dân dụng				50840109	Lái tàu bay dân dụng
			40840110	Điều hành bay				50840110	Điều hành bay
			40840111	Kiểm soát không lưu				50840111	Kiểm soát không lưu
			40840112	Thông tin tín hiệu đường sắt				50840112	Thông tin tín hiệu đường sắt
			40840113	Lái tàu đường sắt				50840113	Lái tàu đường sắt
			40840114	Điều hành chạy tàu hỏa				50840114	Điều hành chạy tàu hỏa
			40840115	Lái xe chuyên dụng				50840115	Lái xe chuyên dụng
				Khác					Khác
		408402		***Dịch vụ bưu chính viễn thông***			**508402**		***Dịch vụ bưu chính viễn thông***
			40840201	Kinh doanh thiết bị viễn thông tin học				50840201	Kinh doanh thiết bị viễn thông tin học
			40840202	Kinh doanh dịch vụ Bưu chính Viễn thông				50840202	Kinh doanh dịch vụ Bưu chính Viễn thông
				Khác					Khác
	4085			**Môi trường và bảo vệ môi trường**		**5085**			**Môi trường và bảo vệ môi trường**

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV		Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	
		408501		***Kiểm soát và bảo vệ môi trường***			**508501**		***Kiểm soát và bảo vệ môi trường***
			40850101	Bảo vệ môi trường đô thị				50850101	Bảo vệ môi trường đô thị
			40850102	Bảo vệ môi trường công nghiệp				50850102	Bảo vệ môi trường công nghiệp
			40850103	Bảo vệ môi trường biển				50850103	Bảo vệ môi trường biển
			40850104	Vi sinh - hóa sinh				50850104	Vi sinh - hóa sinh
			40850105	Xử lý dầu tràn trên biển				50850105	Xử lý dầu tràn trên biển
			40850106	Xử lý rác thải				50850106	Xử lý rác thải
				Khác					Khác
		408502		***Dịch vụ an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp***			**508502**		***Dịch vụ an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp***
			40850201	Bảo hộ lao động				50850201	Bảo hộ lao động
				Khác					Khác
	4086			**An ninh, quốc phòng**		**5086**			**An ninh, quốc phòng**
		408601		***An ninh và trật tự xã hội***			**508601**		***An ninh và trật tự xã hội***
			40860101	Kiểm tra an ninh hàng không				50860101	Kiểm tra an ninh hàng không

Mã các cấp				Tên gọi	Mã các cấp				Tên gọi
Cấp I	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**		**Cấp I**	**Cấp II**	**Cấp III**	**Cấp IV**	
			40860102	Kiểm tra soi chiếu an ninh hàng không					
			40860103	Nghiệp vụ an ninh khách sạn				50860103	Nghiệp vụ an ninh khách sạn
								50860104	Nghiệp vụ an ninh vận tải
				Khác					Khác
		408603		***Bảo vệ***			**508603**		***Bảo vệ***
			40860301	Vệ sỹ				50860301	Vệ sỹ
			40860302	Bảo vệ				50860302	Bảo vệ
				Khác					Khác
	4090			**Khác**		**5090**			**Khác**
		409001		***Lặn***			**509001**		***Lặn***
			40900101	Lặn trục vớt				50900101	Lặn trục vớt
			40900102	Lặn nghiên cứu khảo sát				50900102	Lặn nghiên cứu khảo sát
			40900103	Lặn hướng dẫn tham quan, du lịch					
			40900104	Lặn thi công				50900104	Lặn thi công
				Khác					Khác

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BẢNG DANH MỤC NGHỀ ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2010/TT-BLĐTBXH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

1. Nguyên tắc xây dựng bảng danh mục nghề đào tạo

Bảng danh mục nghề đào tạo trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề được xây dựng theo nguyên tắc chủ yếu sau:

- Đáp ứng tối đa nhu cầu xã hội về nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc mọi lĩnh vực hoạt động kinh tế - xã hội hiện nay và xu hướng phát triển trong những năm tới để tổ chức đào tạo trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.

- Cấu trúc bảng danh mục nghề đào tạo gồm mã nghề cấp IV và tên nghề đào tạo. Mã nghề cấp IV gồm 8 con số, trong đó 6 số đầu thể hiện mã cấp I (trình độ giáo dục đào tạo), cấp II (lĩnh vực giáo dục đào tạo), cấp III (nhóm chương trình, nhóm ngành, nhóm nghề giáo dục đào tạo) theo quy định tại Quyết định số 38/2009/QĐ-TTg ngày 09/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bảng danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân. Với cùng 1 nghề đào tạo, ở trình độ trung cấp nghề và trình độ cao đẳng nghề mã nghề cấp IV sẽ khác nhau 2 số đầu (mã cấp I), 6 số cuối giống nhau. Ví dụ nghề Cắt gọt kim loại: mã trình độ trung cấp nghề là 40510201, mã trình độ cao đẳng nghề là 50510201.

- Tên nghề đào tạo có thể trùng với một nghề xã hội hoặc do nhiều nghề xã hội hợp thành. Cấu trúc nghề đào tạo chủ yếu theo diện rộng (trong một nhóm nghề) để đảm bảo tính linh hoạt, thích ứng với yêu cầu của nền kinh tế thị trường và có khả năng tìm kiếm việc làm, tự tạo việc làm của người lao động. Tuy nhiên trong một số lĩnh vực chuyên sâu, cấu trúc nghề đào tạo được thiết kế theo diện hẹp (chuyên nghề).

- Bảng danh mục nghề đào tạo thể hiện tính kế thừa và phát triển các bảng danh mục đã có. Mọi nghề đào tạo không có trong bảng danh mục này không có giá trị pháp lý để ghi trong các văn bằng tốt nghiệp đào tạo trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề.

- Bảng danh mục nghề đào tạo này sẽ được thường xuyên cập nhật theo nhu cầu của thị trường lao động.

2. Hướng dẫn thay đổi mã nghề đào tạo

Quyết định số 38/2009/QĐ-TTg ngày 09/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bảng danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân

có sự thay đổi trong việc phân lĩnh vực, nhóm nghề đào tạo so với Quyết định số 25/2005/QĐ-TTg ngày 27/01/2005 của Thủ tướng Chính phủ về quy định Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân. Tại lĩnh vực, nhóm nghề: Kỹ thuật mỏ, Kỹ thuật, Xây dựng và Kiến trúc do có sự thay đổi ở trình độ đào tạo, nên một số nghề trước đây được xếp tại lĩnh vực, nhóm nghề nói trên sẽ được chuyển sang những nhóm nghề phù hợp theo thông tư này.

3. Hướng dẫn thay đổi tên nghề đào tạo

STT	Tên nghề đào tạo theo Quyết định số 37/2008/ QĐ-BLĐTBXH	Tên nghề đào tạo theo Thông tư	Ghi chú
	Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên (mã 4014 hoặc 5014)		
1	Sư phạm dạy nghề	Sư phạm dạy nghề	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sẽ quy định Sư phạm dạy nghề cho từng nghề cụ thể
	Lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý (mã 4034 hoặc 5034)		
2	Quản trị kinh doanh vận tải đường sông	Quản trị kinh doanh vận tải đường thủy nội địa	
	Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin (mã 4048 hoặc 5048)		
3	Sửa chữa máy tính	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Thay đổi tên chương trình khung dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 41/2008/ QĐ-BLĐTBXH ngày 16/4/2008
	Lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật (mã 4051 hoặc 5051)		
4	Kỹ thuật điện - điện tử hàng không	Khai thác thiết bị dẫn đường vô tuyến mặt đất hàng không	

STT	Tên nghề đào tạo theo Quyết định số 37/2008/ QĐ-BLĐTBXH	Tên nghề đào tạo theo Thông tư	Ghi chú
5	Vận hành bơm, quạt, máy nén khí	Lắp đặt, vận hành và sửa chữa bơm, quạt, máy nén khí	
6	Hệ thống điện	Quản lý vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 110KV trở xuống	Thay đổi tên chương trình khung dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 13/2008/ QĐ-BLĐTBXH ngày 27/3/2008
7	Trắc đạc công trình	Trắc địa công trình	
8	Khoan và thăm dò địa chất	Khoan thăm dò địa chất	
9	Máy tàu thủy	Sửa chữa máy tàu thủy	
	Lĩnh vực Sản xuất và chế biến (mã 4054 hoặc 5054)		
10	May và thiết kế thời trang	May thời trang	Thay đổi tên chương trình khung dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 21/2008/ QĐ-BLĐTBXH ngày 31/3/2008
	Lĩnh vực Sức khỏe (mã 4072 hoặc 5072)		
11	Kỹ thuật viên dược	Kỹ thuật dược	
	Lĩnh vực Dịch vụ xã hội (mã 4076 hoặc 5076)		
12	Dân số và công tác xã hội	Công tác xã hội	
	Lĩnh vực Khách sạn, du lịch, thể thao và dịch vụ cá nhân (mã 4081 hoặc 5081)		
13	Quản trị dịch vụ giải trí, thể thao và hội nghị	Quản trị dịch vụ giải trí, thể thao	

STT	Tên nghề đào tạo theo Quyết định số 37/2008/ QĐ-BLĐTBXH	Tên nghề đào tạo theo Thông tư	Ghi chú
14	Dịch vụ nhà hàng	- Nghiệp vụ nhà hàng (trình độ trung cấp nghề) - Quản trị nhà hàng (trình độ cao đẳng nghề)	Thay đổi tên chương trình khung dạy nghề ban hành kèm theo Quyết định số 20/2008/ QĐ-BLĐTBXH ngày 31/3/2008
	Lĩnh vực Dịch vụ vận tải (mã 4084 hoặc 5084)		
15	Thuyền trưởng phương tiện thủy nội địa	Điều khiển phương tiện thủy nội địa	
	Lĩnh vực Môi trường và bảo vệ môi trường (mã 4085 hoặc 5085)		
16	Bảo hộ lao động và bảo vệ môi trường lao động	Bảo hộ lao động	